

## **TỪ CỘNG ĐỒNG THAN THÉP CHÂU ÂU ĐẾN EU-27: QUÁ TRÌNH HỢP NHẤT CHÂU ÂU NHÌN TỪ LỊCH SỬ**

**PGS.TS. Trần Thị Vinh**

*Khoa Sử - Đại học Sư phạm Hà Nội*

Liên minh Châu Âu (European Union - EU) với 27 quốc gia thành viên là một liên minh của những ý tưởng, ước mơ và thành quả của quá trình hòa giải, hợp tác của những thế hệ đã từng sống, từng đối đầu, trải qua hai cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc được bắt đầu từ châu Âu trong nửa đầu thế kỉ XX. Lịch sử hình thành và phát triển của Liên minh Châu Âu trải qua chặng đường dài, gắn liền với lịch sử phát triển của châu Âu và thế giới trong nửa sau thế kỉ XX và thập niên đầu thế kỉ XXI.

### **1. Ý tưởng về một châu Âu hợp nhất**

Ý tưởng về một châu Âu hợp nhất có một quá trình lịch sử lâu dài. Các đề chế nổi tiếng trong lịch sử châu Âu từ thời cổ trung đại đến thời cận hiện đại đã từng dùng chiến tranh và vũ lực để thống nhất lãnh thổ các quốc gia trên lục địa châu Âu và thiết lập sự thống trị của mình. Bên cạnh đó, mơ ước về một châu Âu hợp nhất trong hòa bình và hợp tác cũng xuất hiện từ rất sớm. Ngay từ thế kỉ XVIII, Montesquieu đã từng nói đến một châu Âu như là “một quốc gia bao gồm nhiều tỉnh”. Trong thế kỉ XIX, các nhà văn

Pháp, Italia và Ba Lan đã viết về một châu Âu hợp nhất như một giải pháp để chấm dứt các cuộc chiến tranh, xung đột kéo dài giữa các quốc gia ở châu Âu. Đại văn hào Pháp Victor Hugo đã đề cập đến “một quốc tịch châu Âu” cho các công dân của lục địa này.

Thuật ngữ “Hợp chúng quốc Châu Âu” (United States of Europe) đã được các chính trị gia châu Âu và bên ngoài châu Âu đề cập đến từ rất sớm. Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, sáng kiến về việc thành lập một liên minh toàn châu Âu để khẳng định sự hòa giải giữa hai quốc gia Pháp-Đức được đề xuất. Năm 1923, chính trị gia người Áo Richard Coudenhove – Kalergi mở đầu Phong trào Thống nhất Châu Âu (Pan - Europa Mouvement). Richard được công nhận là người sáng lập phong trào vận động cho một châu Âu hợp nhất trong những năm sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> David Sumler. *A History of Europe in the 20<sup>th</sup> Century*. The Dorsey Press, Homewood, Illinois and Irwin-Dorsey Limited Georgetown, Ontario, 1973, tr. 276.

Dự án chính thức đầu tiên của việc thành lập Liên hiệp Châu Âu gắn liền với tên tuổi của Aristide Briand (1862-1932), Ngoại trưởng Pháp những năm 1925-1932 và Gustav Stresemann (1878-1929), Ngoại trưởng Đức trong những năm 1923-1929. Cả hai được nhận giải thưởng Nobel Hòa bình năm 1926. Được sự ủng hộ của Thủ tướng Pháp lúc bấy giờ là Edouar Heriot, Ngoại trưởng Pháp Briand và người đồng nhiệm của mình ở Đức, Ngoại trưởng Gustav Stresemann đã xây dựng dự án về việc thành lập Liên hiệp Châu Âu trong bối cảnh châu Âu trong thập niên 1920 đang tràn trề hy vọng vào một nền an ninh tập thể sau chiến tranh. Năm 1929, Ngoại trưởng Pháp Briand đã trình bày trước Hội Quốc liên dự án về việc thành lập Liên hiệp Các quốc gia Châu Âu (Federation of European Nations) trên cơ sở sự liên kết và hợp tác của các quốc gia châu Âu về kinh tế, chính trị, xã hội. Các chuyên gia kinh tế, trong đó có Jonh M. Keynes, đã ủng hộ cho ý tưởng này. Ngay trong năm sau đó, Ngoại trưởng Pháp Briand đã hoàn thành Bản ghi nhớ (Memorandum) về việc tổ chức hệ thống Liên hiệp Các dân tộc Châu Âu. Năm 1931, cựu Thủ tướng Pháp Edouar Herriot (1872-1957) xuất bản cuốn sách với tựa đề “*Hợp chủng quốc châu Âu*”, ủng hộ cho dự án thành lập một Liên hiệp Châu Âu<sup>2</sup>. Tuy nhiên, những biến động của thế giới trong những năm tiếp theo, cuộc đại suy thoái kinh tế thế giới bùng nổ, sự nổi

lên của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh đã khiến cho dự án về châu Âu thống nhất rơi vào quên lãng.

Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc đã để lại một châu Âu hoang tàn, đổ nát và sau đó bị chia cắt thành hai phần Đông và Tây kể từ khi bắt đầu cuộc Chiến tranh Lạnh. Châu Âu mang một diện mạo chính trị mới cùng với những hận thù giữa các dân tộc sau cuộc chiến tranh lớn nhất trong lịch sử nhân loại. Lần đầu tiên sau nhiều thế kỉ, châu Âu không còn là trung tâm quyền lực của thế giới và thậm chí còn trở nên phụ thuộc vào cường quốc bên ngoài. Trong bối cảnh đó, ý tưởng hóa giải hận thù, gắn kết các dân tộc vì sự phục hồi và hưng thịnh của châu Âu lại trở lại đây.

Thủ tướng Anh W. Churchill là một trong số các chính khách châu Âu ủng hộ cho việc thành lập Hợp chủng quốc Châu Âu như một phương tiện để gìn giữ hòa bình và an ninh châu Âu. Ngay từ năm 1930, trong bài viết nổi tiếng đăng trên tạp chí *Saturday Evening Post* ngày 15-2, Churchill lập luận rằng, việc thành lập một cộng đồng châu Âu thống nhất là điều có thể thực hiện được trên cơ sở sự hợp tác của các quốc gia ở châu Âu lục địa. Sau đó, Churchill đã soạn thảo một Bản ghi nhớ về Hợp chủng quốc Châu Âu như một phương tiện để giữ gìn hòa bình và an ninh châu Âu. Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc, trong bài phát biểu tại trường Đại học Zurich (Thụy Sĩ) năm 1946, Thủ tướng Anh Churchill một lần nữa kêu gọi việc thành lập một “gia đình châu

<sup>2</sup> John McCormick. *The European Union: Politics and Policies*. Westview Press. An member of the Perseus Books Group, Philadelphia, 2008, tr.26.

Âu thống nhất”, một “Châu Âu Hợp chúng quốc” để kiến tạo hòa bình, an ninh và thịnh vượng ở châu Âu. Ông cũng đưa ra đề nghị về việc thành lập Hội đồng Châu Âu (Council of Europe) trong bài phát biểu của mình<sup>3</sup>.

Các nhà lãnh đạo châu Âu lúc này cũng nhận thức được sự cần thiết của việc thành lập Hội đồng Châu Âu như một bước khởi đầu cho quá trình hợp nhất châu Âu. Nhằm mục tiêu đó, năm 1948, các chính trị gia và những nhà nghiên cứu hàng đầu châu Âu đã tiến hành một cuộc hội thảo tại Hague, Hà Lan để thảo luận về việc thành lập Hội đồng Châu Âu. Ngày 5-5-1949, Hội đồng Châu Âu chính thức thành lập với sự tham gia của 10 nước châu Âu thông qua việc ký kết Hiệp ước London. Mục tiêu hoạt động của Hội đồng Châu Âu nhằm vào việc bảo vệ nền dân chủ và nhân quyền theo những gì đã được xác định trong Công ước Châu Âu. Hội đồng Châu Âu bao gồm 10 nước sáng lập: Bỉ, Đan Mạch, Pháp, Ireland, Italia, Luxembourg, Hà Lan, Na Uy, Thụy Điển, Anh và các nước tham gia sau đó, đưa tổng số lên tới 47 thành viên tính đến nay. Hội đồng Châu Âu là một tổ chức ngoài Liên minh Châu Âu (EU), danh sách các nước thành viên Hội đồng Châu Âu không hoàn toàn giống các nước thành viên EU và hoạt động cũng không giống nhau. Tuy nhiên, các hoạt động được phối hợp với nhau nhằm

mục tiêu duy trì hòa bình, dân chủ và nhân quyền ở châu Âu.

## 2. Cộng đồng Than Thép Châu Âu - nền móng đầu tiên của quá trình hợp nhất châu Âu

Ý tưởng thành lập Cộng đồng Than Thép Châu Âu gắn liền với tên tuổi của Jean Monnet (1888-1979), chính trị gia người Pháp, người đứng đầu Hội đồng Kế hoạch kinh tế Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ Hai. Ngay từ năm 1943, khi còn là thành viên của Ủy ban Giải phóng dân tộc thuộc Chính phủ Pháp Tự do, Monnet đã xây dựng một kế hoạch về tương lai của châu Âu hợp nhất sau chiến tranh. Năm 1949, xuất phát từ quan điểm cho rằng, điểm mấu chốt tạo nên sự căng thẳng trong quan hệ giữa Pháp và Đức bắt đầu từ vấn đề kiểm soát vùng Ruhr, vùng công nghiệp than, thép quan trọng ở châu Âu, Monnet đề xuất một kế hoạch hợp tác giữa hai nước để kiềm chế mâu thuẫn, tránh nguy cơ bùng phát chiến tranh. Ý tưởng của Monnet đã nhận được sự ủng hộ của Ngoại trưởng Pháp lúc đó là Robert Schuman (1886-1963). Kế hoạch hợp tác giữa hai nước mang tên Schuman được soạn thảo. Ngày 9-5-1950, Ngoại trưởng Schuman, được sự đồng ý của Thủ tướng Cộng hòa Liên bang Đức Konrad Adenauer, đã long trọng đọc Tuyên bố về Sáng kiến hòa giải giữa hai nước láng giềng thù địch và việc thành lập một cơ chế hợp tác giữa Pháp và Đức trong ngành công nghiệp than và thép, như một nguồn lực chủ yếu cho công cuộc tái thiết đất nước sau chiến tranh.

<sup>3</sup> John McCormick. *The European Union: Politics and Policies*. Sđd, tr.28.

Tuyên bố Schuman đã mở đường cho việc thành lập Cộng đồng Than Thép Châu Âu năm 1951.

Ngày 18-4-1951, Hiệp ước Paris gồm 100 điều khoản được ký kết với nội dung thành lập Cộng đồng Than Thép Châu Âu (European Coal and Steel Community - ECSC) với sự tham gia của sáu nước châu Âu: Pháp, Tây Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Luxembourg. ECSC chính thức hoạt động từ tháng 8-1952 với 4 cơ quan chức năng chính là Ủy ban Tối cao (High Authority) bao gồm đại diện cao nhất của các nước thành viên, Hội đồng cấp Bộ trưởng (Council of Ministers), Hội nghị Toàn thể (Common Assembly) và Hội đồng Pháp luật (Court of Justice). Các nước thành viên tham gia sẽ có một thị trường chung về than và thép đặt dưới sự kiểm soát của Ủy ban Tối cao (High Authority), Monnet là Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban này. Mục tiêu của ECSC là tạo ra một cơ chế hợp tác chung nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng thêm việc làm, nâng cao mức sống người dân và mở rộng sự hợp tác giữa các nước thành viên. Thị trường than chung đã được mở ngày 10-2-1953 và sau đó thị trường thép chung mở cửa ngày 1-5-1953. Mỹ là nước đầu tiên công nhận ECSC (8-1952) và mở văn phòng đại diện hợp tác của mình ở Brussels. Để đổi lại, Monnet đã mở văn phòng đại diện đầu tiên của ECSC ở thủ đô Washington D.C.

Việc thành lập ECSC đã có tác động đáng kể đối với sự phát triển kinh tế và

thương mại của các quốc gia thành viên và châu Âu nói chung. Thương mại giữa các nước tăng gấp 10 lần trong thập niên 1950 do việc dỡ bỏ các hàng rào thuế quan, giá thành hạ và tiết kiệm chi phí sản xuất<sup>4</sup>. Việc Ủy ban Tối cao trợ giúp tài chính cho các mỏ than đã tạo thêm 100 nghìn việc làm mới, giải quyết vấn nạn thất nghiệp sau chiến tranh và nâng cao mức sống người dân. Mặc dù ECSC còn chưa đạt được một số mục tiêu đề ra như ngăn chặn ảnh hưởng của các độc quyền than thép lớn trong việc định đoạt giá cả thị trường, cũng như chưa hoạch định được một chương trình phát triển năng lượng thích hợp, nhưng về cơ bản, sự thành lập tổ chức này là một bước đột phá trong tiến trình hợp nhất châu Âu.

ECSC là tổ chức quốc tế đầu tiên trên thế giới được thành lập dựa trên nguyên tắc của chủ nghĩa siêu quốc gia (supranationalism) và sẵn sàng mở cửa cho sự tham gia của các nước châu Âu khác. Sự thành lập ECSC tạo ra một chuyển biến mang tính cách mạng trong tiến trình hợp nhất châu Âu, bởi vì cho đến thời điểm này, lịch sử thế giới còn chưa chứng kiến sự tồn tại một mô hình hợp tác quốc tế nào dựa trên cơ sở việc chuyển giao một phần chủ quyền quốc gia cho một thể chế siêu quốc gia. Sự

<sup>4</sup> David Sumler. *A History of Europe in the 20<sup>th</sup> Century*. The Dorsey Press, Homewood, Illinois and Irwin-Dorsey Limited Georgetown, Ontario, 1973, tr. 289.

thành lập ECSC có tác động chính trị - xã hội to lớn trong việc tạo dựng một châu Âu hòa giải, hợp tác và hòa bình. Ý tưởng thành lập ECSC của Monnet và Schuman bắt đầu sự hợp tác giữa các nước châu Âu từ một lĩnh vực cụ thể sẽ là khởi nguồn cho một sự hợp tác ở cấp độ cao hơn, trên những lĩnh vực rộng lớn hơn và cuối cùng sẽ đưa đến một châu Âu hợp nhất như mơ ước của những thế hệ tiền bối trong lịch sử châu Âu. Trong ý nghĩa đó, Monnet và Schuman được đánh giá là những kiến trúc sư đầu tiên của Liên minh Châu Âu.

### **3. Từ Hiệp ước Paris đến các Hiệp ước Roma: quá trình thành lập Cộng đồng Kinh tế Châu Âu (EEC) và Cộng đồng Năng lượng nguyên tử Châu Âu (EAEC)**

Sau khi Cộng đồng Than Thép châu Âu thành lập, các nước thành viên tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng quá trình hợp tác trên các lĩnh vực an ninh và chính trị. Ngày 27-5-1952, Cộng đồng Phòng thủ Châu Âu (European Defence Community - EDC) được thành lập với mục tiêu thiết lập quan hệ hợp tác an ninh quốc phòng giữa các nước châu Âu và tạo điều kiện để các nước thành viên có thể kiểm soát Tây Đức về quân sự trong hệ thống phòng thủ chung của châu Âu. Đồng thời, dự án về việc thành lập Cộng đồng Chính trị Châu Âu (European Political Community - EPC) cũng được công bố. Tuy nhiên, sự kiện Quốc hội Pháp bác bỏ việc nước Pháp tham gia EDC vào năm 1954 cũng như dự án thành lập EPC đã khiến cho

cả hai kế hoạch đều không được thực thi. Đồng thời, để phản đối các dự án này, Jean Monnet, đại diện của nước Pháp tại Ủy ban Tối cao ECSC đã từ chức Chủ tịch ECSC và chuyển sang việc thiết kế các dự án thiết lập các cộng đồng khác dựa trên nền tảng kinh tế. Thất bại của việc thành lập Cộng đồng Phòng thủ Châu Âu cũng như dự án đầy tham vọng về việc thành lập Cộng đồng Chính trị Châu Âu cho thấy những ý tưởng đưa châu Âu đi quá xa trong thời điểm chưa thích hợp sẽ không thể trở thành hiện thực.

Trong thập niên 1950, những sự kiện lớn của tình hình thế giới và khu vực, có liên quan đến hai cường quốc ở châu Âu là Pháp và Anh, đã trở thành những tác nhân quan trọng đối với quá trình hợp nhất châu Âu. Trong số đó cần phải kể đến hai cuộc khủng hoảng đã làm thay đổi châu Âu: thất bại của thực dân Pháp ở Đông Dương (1954) và cuộc khủng hoảng kênh đào Suez ở Ai Cập (1956). Trong sự kiện thứ nhất, chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân Việt Nam (5-1954) đã kết thúc cuộc chiến tranh Đông Dương với thất bại của quân đội viễn chinh Pháp. Sau Điện Biên Phủ, phong trào giải phóng dân tộc lan tỏa nhanh chóng như một phản ứng dây chuyền báo hiệu sự sụp đổ không thể cứu vãn nổi của thực dân Pháp. Sự suy giảm uy tín và những khó khăn của Pháp sau khi mất Đông Dương đã tạo ra cơ hội có một không hai cho sự hiện diện của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á.

Hai năm sau, trong sự kiện thứ hai, kết cục của cuộc khủng hoảng kênh đào Suez

năm 1956 đã làm thay đổi cán cân quyền lực ở Trung Đông, khiến cho Anh mất đi vai trò của một cường quốc hàng đầu thế giới trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Kênh đào Suez, nối liền Biển Đỏ và Địa Trung Hải, là con đường hàng hải có vị trí chiến lược không thể thay thế cả về giao thương lẫn quân sự nằm trên lãnh thổ Ai Cập. Từ sau khi kênh đào Suez khánh thành năm 1869, Anh và Pháp nắm quyền khai thác kênh đào huyết mạch này và thu về những món lợi khổng lồ. Chính vì vậy, quyết định quốc hữu hóa kênh đào Suez của Chính phủ Ai Cập Nasser tháng 7-1956 đã khiến cho Anh và Pháp bất bình. Để trả đũa, Anh và Pháp không chỉ hỗ trợ cho Israel tấn công Ai Cập (10-1956) mà còn đưa quân vào chiếm đóng, thiết lập vùng đệm 16 km ở khu vực kênh đào. Việc Liên Xô đứng về phía Chính phủ Nasser và đe dọa tham chiến đã khiến cho cuộc khủng hoảng kênh đào trở nên nghiêm trọng. Dưới áp lực của Liên hợp quốc và Mỹ, nguy cơ bùng nổ xung đột giữa hai phe đã được ngăn chặn. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng đã giáng một đòn mạnh vào những tham vọng và uy tín của Anh và Pháp ở Trung Đông, mở đường cho Mỹ đảm nhận một vị trí nổi bật trong khu vực mang tầm quan trọng chiến lược trên thế giới.

Những gì diễn ra ở Đông Dương và kênh đào Suez đã khiến cho Pháp lo ngại hơn lúc nào hết về sự mở rộng ảnh hưởng của Mỹ cũng như nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của một châu Âu hợp nhất và độc lập để đối phó với Mỹ. Đối với Anh, cuộc

khủng hoảng kênh đào Suez đã tác động không nhỏ đến chính sách đối ngoại của nước này. Từ chỗ tập trung nhiều vào các khu vực truyền thống như Australia, Canada và New Zealand, Anh bắt đầu tăng cường xu thế hướng về châu Âu lục địa. Cuộc khủng hoảng kênh đào Suez đã tác động tích cực đến quá trình hợp tác châu Âu và không có gì đáng ngạc nhiên khi các Hiệp ước Roma được ký kết năm 1957.

Nhằm mục đích tăng cường sự hợp tác kinh tế giữa các nước châu Âu, trong cuộc gặp của ngoại trưởng 6 nước thành viên ECSC tại Hội nghị Messina (Italia) tháng 6-1955, các bên đã thống nhất về kế hoạch phát triển một thể chế chung trong một liên minh thuế quan, thiết lập một thị trường chung cho các nước châu Âu trên cơ sở sự đồng thuận và vì những lợi ích kinh tế chung. Một ủy ban trụ bị cho việc thực hiện kế hoạch này được thành lập, đứng đầu là Ngoại trưởng Bỉ Paul-Henri Spaak (1899-1972). Ủy ban Spaak đã tiến hành các bước đi cần thiết để xây dựng một báo cáo hoàn chỉnh, được gọi là Báo cáo Spaak, tạo cơ sở cho các vòng đàm phán giữa các nước về một thị trường chung. Cùng với sự đóng góp của nhà kinh tế học Thụy Điển Bertin Ohlin (1899-1979), các văn bản nền tảng cho việc xây dựng một liên minh thuế quan (customs union) và một thị trường chung đã được soạn thảo. Năm 1956, dưới sự điều hành của Ngoại trưởng Spaak, Hội nghị liên Chính phủ của sáu nước thành viên ECSC diễn ra tại lâu đài Val Duchesse (Bỉ) đã bàn thảo về

những nội dung cụ thể chuẩn bị cho việc ký kết hai Hiệp ước Roma vào ngày 25-3-1957, thành lập Cộng đồng Kinh tế Châu Âu (European Economic Community - EEC) và Cộng đồng Năng lượng Nguyên tử Châu Âu (European Atomic Energy- EAEC hoặc Euratom). Với những đóng góp mang tính nền tảng cho việc hình thành EEC, Spaak được vinh danh là một trong số những người có công lao sáng lập Liên minh Châu Âu ngày nay.

Sau khi các Hiệp ước Roma có hiệu lực, trên thực tế đã tồn tại ba cộng đồng châu Âu: Cộng đồng Than Thép, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Năng lượng nguyên tử. Về thể chế, Cộng đồng Kinh tế Châu Âu và Cộng đồng Năng lượng nguyên tử Châu Âu bao gồm các cơ quan chức năng cơ bản của Cộng đồng Than Thép Châu Âu như Ủy ban Tối cao, Hội đồng Bộ trưởng, Hội nghị Toàn thể và Hội đồng Pháp luật. Ủy ban Tối cao và Hội đồng Bộ trưởng được mở rộng về số lượng các thành viên và có quyền lực lớn hơn trước. Hội nghị Toàn thể được thay thế bằng Hội nghị Quốc hội (Parliamentary Assembly – AP), với sự tham gia của 142 đại biểu đến từ các nước thành viên. Năm 1962, Hội nghị Quốc hội được đổi tên thành Quốc hội Châu Âu (European Parliament). Hội đồng Luật pháp cũng được mở rộng, bao gồm các thẩm phán đến từ các nước thành viên và hoạt động trong nhiệm kỳ sáu năm. Tuy nhiên, việc tăng cường quyền lực cho các cơ quan điều hành đã khiến cho Chính phủ Pháp e ngại và tìm cách hạn chế quyền

lực siêu quốc gia của các tổ chức này, với mong muốn các cộng đồng châu Âu sẽ phát triển theo hướng trở thành các tổ chức liên chính phủ nhiều hơn là một tổ chức siêu quốc gia.

#### **4. Quá trình mở rộng các cộng đồng châu Âu**

Cùng với Cộng đồng Than Thép, sự thành lập EEC và EAEC đã thúc đẩy kinh tế và thương mại các nước thành viên phát triển. Cộng đồng Kinh tế Châu Âu nhanh chóng mở rộng các hoạt động của mình và trở thành cộng đồng quan trọng nhất trong các cộng đồng châu Âu. Mặc dù việc xây dựng một thị trường chung châu Âu đã không được thực hiện đúng thời hạn 12 năm như Hiệp ước Roma quy định, nhưng việc dỡ bỏ các hàng rào thuế quan một cách nhanh chóng đã cho phép sáu nước thành viên (Pháp, Tây Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Luxembourg) của EEC tiến tới ký kết một hiệp ước liên minh về thuế quan vào tháng 7-1968, đồng thời các hạn ngạch về xuất khẩu hàng công nghiệp cũng được dỡ bỏ. Nhờ đó, sản xuất công nghiệp cũng như thương mại giữa các nước thành viên tăng lên nhanh chóng. Thương mại nội khối EEC tăng gấp ba lần so với thương mại giữa các nước EEC với bên ngoài trong những năm 1958-1965. Tốc độ tăng trưởng của sản xuất công nghiệp của sáu nước thành viên đạt mức trung bình 5,7%, mức tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người tăng 4,5% trong thập niên 1960 và đầu thập niên 1970. Về nông nghiệp, việc thực hiện chính sách nông nghiệp chung từ

năm 1968, trong đó có mức giá chung cho các sản phẩm nông nghiệp, đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Các nhà kinh tế học cho rằng, đây là “thời kỳ tăng trưởng vàng” của các nước EEC.

Sự phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác giữa các nước thành viên đã đặt ra nhu cầu hợp nhất các cộng đồng châu Âu trong một thiết chế chung. Sau quá trình đàm phán, các nước thành viên đã tiến hành ký kết Hiệp ước Hợp nhất (Merger Treaty) hay còn gọi là Hiệp ước Brussels ngày 8-4-1965. Hiệp ước Hợp nhất có hiệu lực từ ngày 1-7-1967, theo đó, ba cộng đồng ECSC, EAEC và EEC hợp nhất trong một thiết chế điều hành chung của các cộng đồng châu Âu (European Communities). Ủy ban EEC và Hội đồng EEC sẽ trở thành cơ quan điều hành chung của cả ba cộng đồng. Việc ký kết Hiệp ước Hợp nhất đã đánh dấu một bước tiến mới của quá trình hợp tác châu Âu. Mặc dù các cộng đồng châu Âu vẫn tiếp tục tồn tại như những tổ chức độc lập hợp pháp, nhưng việc cùng nhau chia sẻ một cơ quan thiết chế chung đã tạo điều kiện thống nhất hành động vì mục tiêu chung là đẩy mạnh quá trình hợp tác và hội nhập của các thành viên trên các lĩnh vực khác nhau. Trên thực tế, các cộng đồng châu Âu còn tiếp tục tồn tại trong lịch sử phát triển của quá trình hợp nhất châu Âu như một trong ba trụ cột của EU ngày nay (hai trụ cột còn lại của EU là Chính sách Đối ngoại và Chính sách An ninh chung (Common Foreign and Security Policy).

Cộng đồng Than Thép (ECSC) chỉ giải thể vào năm 2002, Cộng đồng Kinh tế Châu Âu (EEC) được thay thế bằng Cộng đồng Châu Âu (EC) năm 1993.

Tuy nhiên, con đường phát triển của các cộng đồng châu Âu trong buổi ban đầu cũng không hoàn toàn êm ả. Trong thời gian này, các nước thành viên phải đối mặt với “cuộc khủng hoảng ghế trống” (“the empty chair crisis”) diễn ra từ tháng 6-1965 đến tháng 1-1966. Cuộc khủng hoảng bắt nguồn từ những bất đồng xung quanh việc thực hiện các biện pháp tài trợ cho Chính sách Nông nghiệp chung (Common Agriculture Policy - CAP) giữa Chính phủ của Thủ tướng Pháp Charles De Gaulle (1874-1970) với các nước thành viên EEC. Các đại diện của Pháp đã phản ứng bằng cách không tham gia bất cứ cuộc họp nào và rút ra khỏi các cơ quan điều hành EEC, gây nên cuộc khủng hoảng lớn nhất trong lịch sử phát triển của các cộng đồng châu Âu. Cuộc khủng hoảng cho thấy chủ nghĩa dân tộc và những mâu thuẫn về lợi ích dân tộc là những rào cản cho quá trình mở rộng hợp tác châu Âu. Cuộc khủng hoảng chỉ kết thúc khi Thỏa ước Luxembourg (1-1966) giữa sáu nước được ký kết, theo đó các nước thành viên được sử dụng quyền phủ quyết để bảo vệ lợi ích quốc gia. Việc ký kết thỏa ước này, trên thực tế, đã hạn chế quyền lực của Ủy ban EEC và tăng thêm quyền lực cho những thành viên của Hội đồng EEC.

Quá trình hội nhập của các nước châu Âu về cơ bản không vấp phải sự cản trở nào

từ phía Mỹ. Việc Mỹ thực thi Kế hoạch Marshall nhằm tái thiết châu Âu sau chiến tranh và thành lập Tổ chức Hiệp ước Phòng thủ Bắc Đại Tây Dương (NATO) năm 1949 đã tạo ra những cơ sở thuận lợi cho quá trình hội nhập của châu Âu. Thậm chí, năm 1962, Tổng thống Mỹ John F. Kennedy còn bày tỏ thiện chí khi nhìn nhận sự hợp tác của châu Âu với “niềm hy vọng và sự ngưỡng mộ”<sup>5</sup>. Về hình thức, Mỹ coi EEC như một đối tác bình đẳng và tiềm năng. Đồng thời, Mỹ còn hy vọng sự hội nhập của Tây Đức vào một EEC lớn mạnh sẽ gây ra áp lực lớn cho Đông Đức và Liên Xô trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh đang tiếp diễn. Tuy nhiên, trên thực tế, sự nổi lên của một châu Âu hợp nhất cũng tạo ra áp lực cạnh tranh về kinh tế - thương mại cũng như chính trị đối với Mỹ.

Về phần mình, mặc dù còn lệ thuộc vào Mỹ về kinh tế và chính trị, các nước EEC tỏ ra không ủng hộ Mỹ trong việc Mỹ tham gia Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), trong cách thức giải quyết cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba với Liên Xô năm 1962 bỏ qua vai trò của EEC, trong việc tiến hành leo thang và mở rộng chiến tranh ở Việt Nam trong thập niên 1960, cũng như việc chính quyền Nixon tuyên bố thả nổi đồng đôla Mỹ năm 1971, gây khó khăn cho thương mại châu Âu và thế giới. Việc Mỹ có những quyết định

chiến lược không cần báo trước cho các nước thành viên EEC, thậm chí cho cả những lãnh đạo thân Mỹ của EEC, đã góp phần thúc đẩy các nước châu Âu tăng cường quá trình liên kết để có tiếng nói chung, có trọng lượng hơn trên trường quốc tế trong việc bảo vệ lợi ích của chính mình.

Sau khi Anh và các nước Đan Mạch, Ireland, Na Uy nộp đơn xin gia nhập EEC năm 1967, các cuộc thương lượng được tiến hành kể từ năm 1969, khi Tổng thống Georges Pompidou (1911-1974) lên cầm quyền ở Pháp. Sau các cuộc đàm phán, đơn xin gia nhập EEC lần thứ ba của Anh đã được chấp thuận cùng với các nước Đan Mạch, Ireland và Na Uy. Trong cuộc thương thuyết kéo dài 12 giờ đồng hồ với Thủ tướng Anh Edward Heath (1916-2005), Tổng thống Pháp Pompidou cho rằng việc chấp thuận nước Anh cũng như các quốc gia khác gia nhập EEC xuất phát từ lợi ích không chỉ của riêng nước nào mà là vì lợi ích của toàn châu Âu. Sau khi các hiệp ước gia nhập được ký kết, tháng 1-1973, Anh, Đan Mạch và Ireland chính thức trở thành thành viên của EEC (ngoại trừ Na Uy không gia nhập do người dân bỏ phiếu chống trong cuộc trưng cầu dân ý tháng 9-1972). Đợt mở rộng EEC lần thứ nhất với không ít những trắc trở, cuối cùng đã hoàn tất, đưa EEC-6 trở thành EEC-9.

Đợt mở rộng EEC lần thứ hai và lần thứ ba diễn ra vào thập niên 1980, hướng vào các quốc gia ở khu vực Nam Âu bao gồm Hy Lạp, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Trong

<sup>5</sup> John McCormick. *The European Union: Politics and Policies*. Westview Press. An member of the Perseus Books Group, Philadelphia, 2008, tr.125.

đó, Hy Lạp là nước đã có ý định tham gia EEC ngay từ thập niên 1950. Tuy nhiên, do nền kinh tế Hy Lạp còn ở mức kém phát triển so với các nước Tây Âu và đặc biệt là những bất ổn về chính trị dẫn tới cuộc đảo chính quân sự tháng 4-1967 đã ngăn cản quá trình hội nhập châu Âu của nước này. Sau khi chính phủ dân sự trở lại cầm quyền năm 1974, Hy Lạp nộp đơn xin gia nhập EEC. Trước sự lo ngại của Ủy ban EEC về việc nền kinh tế Hy Lạp còn quá yếu, Chính phủ Hy Lạp cam kết vực dậy nền kinh tế cùng với việc thúc đẩy quá trình dân chủ hóa. Quá trình đàm phán gia nhập bắt đầu từ năm 1976 và đến tháng 1-1981, Hy Lạp chính thức trở thành thành viên thứ 10 của EEC.

Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã bắt đầu khởi động quá trình hội nhập châu Âu từ năm 1962. Tuy nhiên, chế độ độc tài tồn tại ở cả hai nước nêu trên đã cản trở quá trình gia nhập EEC của họ. Mặc dù Hiệp ước Roma khẳng định, bất cứ quốc gia nào ở châu Âu có nguyện vọng đều có thể trở thành thành viên của EEC, tuy nhiên, trên thực tế, nền dân chủ là điều kiện tiên quyết để gia nhập EEC. Chỉ sau khi chế độ Caetano ở Bồ Đào Nha sụp đổ năm 1974 và sau cái chết của Franco ở Tây Ban Nha năm 1975, đơn xin gia nhập EEC của hai nước mới chính thức được xem xét. Bất chấp những khó khăn về kinh tế của Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha cũng như xu hướng di chuyển của lực lượng lao động ở hai nước về Tây Âu để kiếm việc làm, EEC đã chấp thuận đơn xin gia nhập của hai nước này.

Các nhà lãnh đạo Ủy ban EEC hy vọng rằng, với việc trở thành thành viên EEC, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha sẽ có điều kiện để thúc đẩy nền dân chủ, ổn định kinh tế và xích lại gần hơn với Tây Âu và NATO. Các cuộc đàm phán gia nhập được bắt đầu năm 1978 với Bồ Đào Nha và năm 1979 với Tây Ban Nha. Năm 1986, hai nước chính thức gia nhập EEC, đưa tổng số thành viên EEC lên 12 nước.

Việc nhân đôi số lượng thành viên đã khiến EEC trở thành một khối kinh tế lớn nhất trên thế giới, có ảnh hưởng kinh tế và chính trị ngày càng lớn trên trường quốc tế. Năm 1990, sau khi bức tường Berlin sụp đổ, lãnh thổ của EEC được mở rộng do kết quả của quá trình thống nhất nước Đức. Cùng với việc thúc đẩy kinh tế và thương mại phát triển, trong thời gian này EEC chú trọng vào việc tạo điều kiện cho việc thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế giữa các nước châu Âu, tạo cơ hội cho các nước nghèo ở khu vực Địa Trung Hải hội nhập và phát triển trong nền kinh tế toàn cầu. Hàng loạt các dự án cải thiện kết cấu hạ tầng, hỗ trợ việc làm được thực hiện nhằm mục tiêu hướng tới sự phát triển cân bằng về kinh tế giữa 12 nước thành viên. Đồng thời, EEC đã tiến hành cuộc bầu cử Nghị viện trực tiếp đầu tiên năm 1979 với 410 đại biểu được lựa chọn từ các nước thành viên. Chủ tịch Nghị viện đầu tiên của EEC là bà Simone Veil, chính trị gia, luật sư, đồng thời là Bộ trưởng Y tế Pháp.

Nhằm hướng tới sự mở rộng hợp tác đa diện của các quốc gia thành viên, tháng 2-

1986, Đạo luật chung Châu Âu (Single European Act- SEA) được ký kết tại Luxembourg và bắt đầu có hiệu lực từ tháng 7-1987. Nội dung của SEA tập trung vào mục tiêu hoàn thành việc xây dựng một thị trường chung trong thời hạn cuối cùng là ngày 31-12-1992, đồng thời các nước thống nhất về vấn đề cải cách thể chế, mở rộng sự hợp tác trên các lĩnh vực môi trường, nghiên cứu và phát triển cũng như các vấn đề về chính sách khu vực. Đạo luật chung châu Âu đưa ra những quy định mới về cuộc họp cấp cao của đại diện chính phủ các nước thành viên cùng với Hội đồng Châu Âu, về việc tăng cường hợp tác trong chính sách đối ngoại, tăng thêm quyền lực cho Tòa án Châu Âu cũng như hàng loạt những quy định về việc xóa bỏ chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, về hải quan, ngân hàng, viễn thông... Đạo luật này đánh dấu một bước tiến mới về mặt thể chế trong quá trình hợp nhất châu Âu nhằm xây dựng một khối kinh tế, một thị trường chung lớn nhất thế giới. SEA đã đặt nền móng quan trọng cho việc ký kết Hiệp ước Maastricht năm 1992.

Những thành tựu của quá trình mở rộng hợp tác châu Âu có phần đóng góp đáng kể của những người chèo lái các cơ quan trong bộ máy lãnh đạo, đặc biệt là vai trò của Jacques Delors, nguyên Bộ trưởng Tài chính Pháp, Chủ tịch Ủy ban EEC trong ba nhiệm kỳ vào những năm 1985-1994. Dưới sự điều hành của ông, Ủy ban Delors đã tiến hành những bước đi quan trọng trong việc cải cách thể chế, xúc tiến việc ký kết và thực thi Đạo

luật chung Châu Âu, đề xuất việc thực hiện đồng tiền chung châu Âu và thực hiện hàng loạt những cuộc đàm phán về việc mở rộng hợp tác đa diện giữa các nước thành viên. Jacques Delors là một trong số những Chủ tịch Hội đồng Châu Âu thành công nhất, ông được coi là một trong những người sáng lập ra đồng Euro và là biểu tượng cho quá trình liên kết châu Âu trong thập niên 1980.

### **5. Từ Cộng đồng Châu Âu đến Liên minh Châu Âu (EU-27)**

Trên nền tảng của Đạo luật chung Châu Âu, ngày 7-2-1992, Hiệp ước Maastricht (còn được gọi là Hiệp ước về Liên minh Châu Âu - Treaty on EU, TEU) được ký kết tại Hà Lan sau quá trình đàm phán giữa các nước thành viên dưới sự điều hành của Ủy ban Delors. Mục tiêu chủ yếu của Hiệp ước Maastricht là mở rộng quá trình hợp nhất châu Âu, tiến tới thành lập Liên minh Châu Âu (EU) trên cơ sở liên minh kinh tế - tiền tệ với đồng tiền chung (Euro) và liên minh chính trị bao gồm việc thực hiện một chính sách đối ngoại chung và an ninh chung. Hiệp ước Maastricht lần đầu tiên chỉ ra ba trụ cột (three pillars) của Liên minh Châu Âu, đó là:

- *Trụ cột thứ nhất*: Cộng đồng Châu Âu (EC), là sự tiếp tục của Cộng đồng Kinh tế Châu Âu (EEC), nhưng từ “kinh tế” được loại bỏ để thể hiện sự hợp tác đa diện trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường giữa các nước thành viên.

- *Trụ cột thứ hai*: Chính sách Đối ngoại và An ninh chung (Common Foreign

and Security Policy - CFSP) bao gồm sự phối hợp trong việc hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại và an ninh của các nước thành viên trên cơ sở bảo đảm chủ quyền quốc gia.

- *Trụ cột thứ ba*: Chính sách Hợp tác về Nội vụ và Tư pháp (Police and Judicial Co-operation in Criminal Matters - PJCC) thể hiện sự hợp tác trong các lĩnh vực xét xử tội phạm, giải quyết các vấn đề tị nạn, nhập cư và hợp tác tư pháp trong các vấn đề dân sự.

Việc thiết lập ba trụ cột nêu trên thể hiện mong muốn của các nước thành viên trong quá trình mở rộng các lĩnh vực hợp tác, tạo ra cơ sở cho việc hình thành Liên minh Châu Âu. Đồng thời, Hiệp ước Maastricht cũng đưa ra lộ trình cho việc xây dựng đồng tiền chung châu Âu - Euro và Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB). Những điều kiện để tham gia vào liên minh kinh tế - tiền tệ cũng được chỉ rõ, đó là: Tỷ lệ lạm phát thấp, không vượt quá 1,5% so với mức trung bình của 3 nước có mức lạm phát thấp nhất; Thâm hụt ngân sách không vượt quá 3% GDP, nợ nhà nước dưới 60% GDP và biên độ giao dịch tỉ giá giữa các đồng tiền ổn định trong hai năm theo cơ chế chuyển đổi (ERM); Lãi suất không quá 2% so với mức trung bình của 3 nước có lãi suất thấp nhất.

Hiệp ước Maastricht mở rộng trách nhiệm của EU trên các lĩnh vực mới như chính sách bảo vệ người tiêu dùng, chăm sóc y tế, giao thông vận tải, nghiên cứu, giáo dục và các chính sách xã hội khác. Đồng thời,

Hiệp ước còn bao gồm các quy chế về phối hợp hành động trong các hoạt động tư pháp, chính sách nhập cư, quyền cư trú, thị thực cũng như việc thành lập quỹ trợ giúp đối với các nước thành viên có trình độ phát triển kinh tế ở mức thấp hơn. Theo Hiệp ước Maastricht, công dân châu Âu được có thêm những quyền hạn mới, theo đó, tất cả công dân các nước thành viên đều có quyền đi lại, tự do cư trú trên lãnh thổ các nước thành viên và có quyền bầu cử trong các cuộc bầu cử của địa phương và của EU.

Hiệp ước Maastricht đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trên bước đường nhất thể hóa châu Âu, hiện thực hóa những lĩnh vực hợp tác mới cũng như đề ra lộ trình để đạt được mục tiêu hợp tác trong các lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là trong việc thiết lập đồng euro. Tuy nhiên, một số nước thành viên, nhất là Anh tỏ ra nghi ngại về khả năng mở rộng quyền lực của các thiết chế trong EU và vấn đề chủ quyền quốc gia của các nước thành viên. Một số nhà nghiên cứu còn cho rằng Hiệp ước Maastricht là “sự tự nguyện từ bỏ chủ quyền quốc gia chưa từng có trong lịch sử” và nội dung của nó “giống một điều luật trong Hiến pháp hơn là một hiệp ước quốc tế”<sup>6</sup>. Chính vì vậy, quá trình phê chuẩn Hiệp ước Maastricht diễn ra đầy khó khăn, nhất là ở các nước Anh, Pháp và Đan Mạch. Ở Đan Mạch, trong lần trưng cầu dân ý đầu tiên diễn ra tháng 6-1992, các cử tri đã bác bỏ Hiệp ước này. Gần một năm sau, cuộc trưng

<sup>6</sup> John McCormick (2008). *The European union. Politics and Policies*. Sdd, tr.92.

câu dân ý lần thứ hai mới đạt được chấp thuận của đa số cử tri với 4 lĩnh vực bảo lưu, trong đó có việc Đan Mạch chưa gia nhập khu vực sử dụng đồng euro. Tại Pháp, cuộc trưng cầu dân ý đối với Hiệp ước Maastricht diễn ra tháng 9-1992 cũng chỉ đạt được tỉ lệ phiếu thuận sít sao là 51,04%. Trong khi đó ở Anh, để Hiệp ước này được phê chuẩn, Chính phủ của Đảng Bảo thủ, đứng đầu là Thủ tướng John Major, đã phải kiên trì đấu tranh để vượt qua phe chống đối trong Hạ viện Anh.

Sau khi được 12 quốc gia thành viên phê chuẩn, Hiệp ước Maastricht chính thức có hiệu lực từ tháng 11-1993. Trong quá trình thực hiện, Hiệp ước Maastricht được sửa chữa và bổ sung bằng một số hiệp ước khác như Hiệp ước Amsterdam và Hiệp ước Nice:

- Hiệp ước Amsterdam (ký tháng 2-1997, có hiệu lực tháng 5-1999) có những sửa đổi và bổ sung những điều khoản của Hiệp ước Maastricht về quyền cơ bản của các nước thành viên, về tư pháp và nội vụ, về chính sách xã hội, việc làm và về chính sách đối ngoại và an ninh chung.

- Hiệp ước Nice (ký tháng 2-2001, có hiệu lực 2-2003) bao gồm những điều khoản bổ sung về cải cách thể chế để đón nhận những thành viên mới, về việc tăng cường quyền lực cho Nghị viện Châu Âu và việc thành lập lực lượng phản ứng nhanh của EU.

Sau khi Hiệp ước Maastricht có hiệu lực, những tiến bộ về thể chế và chính sách đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng các

lĩnh vực hợp tác và mở rộng số lượng các thành viên mới của EU. Đầu thập niên 1990, với sự kiện nước Đức thống nhất, lãnh thổ của EU được mở rộng, mặc dù số lượng thành viên không tăng lên. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, có ít nhất 18 nước châu Âu có nguyện vọng gia nhập EU, trong đó có 7 nước Đông Âu, 6 nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ và 5 nước thuộc Liên bang Nam Tư cũ. Làn sóng các nước có nguyện vọng tham gia EU dâng cao đã đặt ra yêu cầu xem xét lại về mặt thể chế những tiêu chí gia nhập EU. Trong cuộc họp của Hội đồng Châu Âu tại Copenhagen tháng 6-1993, các nước thành viên đã thông qua Công ước Copenhagen với các điều kiện tiêu chuẩn để gia nhập EU. Theo đó, các nước muốn trở thành thành viên EU phải đạt được 3 tiêu chí cơ bản:

- *Về chính trị*: Phải là nước dân chủ, tôn trọng nhân quyền và luật pháp quốc tế.

- *Về kinh tế*: Phải có nền kinh tế thị trường tự do và có tiềm năng vượt qua những áp lực của cạnh tranh kinh tế tư bản chủ nghĩa.

- *Về tư pháp*: Có năng lực đáp ứng những nghĩa vụ và yêu cầu của hệ thống luật pháp do EU qui định.

Quá trình đàm phán gia nhập EU của các nước thành viên Hiệp hội Mậu dịch tự do (EFTA) được bắt đầu từ năm 1990. Tuy nhiên, sau khi các cuộc đàm phán kết thúc vào đầu năm 1994, chỉ có 3 nước là Áo, Phần Lan, Thụy Điển gia nhập EU vào tháng 1-1995. Đây là lần mở rộng thứ năm, đưa số thành viên EU lên 15 nước, với diện tích

lãnh thổ được mở rộng thêm 1/3 và lần đầu tiên trong lịch sử, EU có đường biên giới chung với nước Nga.

EU tiếp tục mở rộng về phía Đông trong thập niên cuối cùng của thế kỷ XX và hoàn thành quá trình này vào những năm đầu thế kỷ XXI. Các cuộc đàm phán gia nhập EU của các nước Đông Âu được bắt đầu trong những năm 1998-2000. Về cơ bản, quá trình đàm phán kết thúc vào tháng 12-2002. Tháng 10-2004, đợt mở rộng lớn nhất trong lịch sử EU diễn ra với việc kết nạp cùng một lúc 10 thành viên mới. Đó là 8 nước Đông Âu (Cộng hòa Séc, Ba Lan, Hungary, Slovakia, Slovenia, Estonia, Latvia, Lithuania) và 2 nước thuộc Địa Trung Hải (Cyperus và Malta). Hai nước Bungari và Rumani mặc dù đã được EU chấp thuận nhưng gia nhập muộn hơn, vào tháng 1-2007. Lần sóng mở rộng về phía Đông là đợt mở rộng lớn nhất của EU về số lượng thành viên, tăng thêm 20% dân số, nhưng nếu xét về kinh tế, GDP chỉ tăng thêm 5%. Quá trình hướng Đông của EU đã đặt dấu chấm hết cho sự chia cắt châu Âu kéo dài trên nửa thế kỷ do cuộc Chiến tranh Lạnh gây ra. Thuật ngữ châu Âu (European) đã mang một ý nghĩa mới. Nếu như trước đây, trong lịch sử thế giới thời kỳ Chiến tranh Lạnh, châu Âu được hiểu là khối các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa, đối lập với các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa về hệ thống kinh tế, chính trị-xã hội, thì ngày nay châu Âu được nhìn nhận là khối thống nhất bao gồm cả Đông Âu và Tây Âu dưới mái nhà chung EU.

Trong lịch sử phát triển của mình, EU hoạt động theo những thể thức được quy định tại các hiệp ước, bắt đầu với 6 nước thành viên đến nay đã lên tới 27 nước. Nhu cầu cải cách thể chế EU được đặt ra và ngày càng trở nên cấp bách trước những biến chuyển nhanh chóng của tình hình châu Âu sau Chiến tranh Lạnh cùng với quá trình mở rộng EU. Tháng 12-2007, tại Hội nghị Thượng đỉnh EU ở Lisbon, Hiệp ước về Hiến pháp Châu Âu sửa đổi và rút gọn, được gọi là Hiệp ước Lisbon, đã được ký kết. Tuy nhiên, Hiệp ước Lisbon cần phải được 27 nước thành viên EU phê chuẩn để trở thành hiện thực. Trải qua cuộc hành trình gian nan kéo dài hai năm (2007-2009), vượt qua những thời điểm tưởng chừng như hoàn toàn bế tắc, cuối cùng, ngày 3-11-2009, Cộng hòa Séc, một trong số những nước thành viên cuối cùng trì hoãn việc thông qua Hiệp ước Lisbon do lo ngại về chủ quyền quốc gia, đã quyết định phê chuẩn Hiệp ước này. Hiệp ước Lisbon, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1-12-2009, mở ra một giai đoạn phát triển mới với những thay đổi quan trọng về thể chế và phương thức hoạt động của EU-27 trong thế kỷ XXI.

Quá trình hợp nhất châu Âu từ ý tưởng đến hiện thực gắn liền với những thăng trầm của lịch sử châu Âu nói riêng và thế giới lịch sử thế giới nói chung. Trải qua 60 năm phát triển, châu Âu đã tiến một bước dài trên con đường nhất thể hóa, vượt qua mong đợi của những người sáng lập ra nó. Cho đến nay, xét trên cấp độ liên kết khu vực, EU được

đánh giá là một mẫu hình hợp tác thành công nhất trên thế giới. Khởi đầu từ một cộng đồng hợp tác khu vực chỉ giới hạn trong lĩnh vực than thép với 6 nước thành viên, sau quá trình phát triển với 6 đợt mở rộng, Cộng đồng Than Thép Châu Âu (ECSC) đã phát triển thành EU-27 với số dân 500 triệu người (2009) và GDP tương đương 1/3 tổng GDP toàn cầu. Trở thành một siêu cường kinh tế, thương mại toàn cầu, EU đồng thời là một thực thể có tầm ảnh hưởng quan trọng trong nền chính trị quốc tế, đóng góp 70% viện trợ nhân đạo cho thế giới. Cùng với việc nổi lên như một trong những thực thể có đóng góp nhiều nhất cho kỷ nguyên hiện đại, EU đã và đang nỗ lực xây dựng các giá trị và nguyên tắc chung của mình như đề cao dân chủ và quyền con người, tự do ngôn luận và tôn giáo cũng như xây dựng những nguyên tắc về mậu dịch tự do phi biên giới mà các quốc gia trên thế giới từng mơ ước. Nửa thế kỉ trước, những người mơ mộng nhất cũng không thể hình dung về một châu Âu không biên giới với một đồng tiền chung duy nhất cho phần lớn các nước châu Âu. Sự hình thành và phát triển của EU là một trong những sự kiện lớn nhất của lịch sử nhân loại thế kỷ XX, đem lại những thay đổi to lớn trên bàn cờ chính trị quốc tế, đồng thời mở ra thời kỳ hòa bình dài nhất trong lịch sử châu Âu hiện đại. Để có được thành quả hợp nhất trong suốt 60 năm qua, vấn đề có tính nguyên tắc hành động của EU là hợp tác và liên kết vì lợi ích chung của các dân tộc, vì hòa bình, dân chủ và phồn vinh của châu Âu. Đồng thời, mỗi nước thành viên đều có đóng

góp của riêng mình vào quá trình hợp nhất châu Âu, vào sự ổn định cũng như nền dân chủ và thịnh vượng ở khu vực này.

### Tài liệu tham khảo

1. Barry Eichengreen. *The European Economy Since 1945: Coordinated Capitalism and Beyond*. Princeton, NJ, Princeton University Press Inc., 2007.
2. Bill Emmott. *20:21 Vision. Twentieth-Century: Lessons for the Twenty-First Century*. Farrar, Straus and Giroux, New York, 2003.
3. Colin Croach. *Social change in Western Europe*. Oxford University Press Inc., New York, 1999.
4. David Sumler. *A History of Europe in the 20<sup>th</sup> Century*. The Dorsey Press, Homewood, Illinois and Irwin-Dorsey Limited Georgetown, Ontario, 1973.
5. Daniel R. Brower. *The World in XX Century: From Empires to Nations*. Upper Saddle River, New Jersey 07458, 2002.
6. Duroselle J.B. *Lịch sử ngoại giao (từ 1919 đến nay)*. Học viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội, 1994.
7. Geir Lundestad. *The United States and Western Europe since 1945*. Oxford University Press Inc., New York, 2003.
8. John McCormick. *The European Union: Politics and Policies*. Westview Press. An member of the Perseus Books Group, Philadelphia, 2008.
9. [http://epp.eurostat.ec.europa.eu/portal/page/portal/statistics/search\\_database](http://epp.eurostat.ec.europa.eu/portal/page/portal/statistics/search_database)
10. [http://europa.eu/index\\_en.htm](http://europa.eu/index_en.htm)